

Số: /2025/QĐ-UBND Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định các trường hợp không có tính khả thi trên thực địa
và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước
khi vi phạm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Khoản 5 Điều 14 Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 33/TTr-STNN&MT ngày 21/3/2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định các trường hợp không có tính khả thi trên thực địa và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi trên thực địa và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 14 Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp san lấp hồ thủy lợi, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác theo quy định của pháp luật đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xảy ra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác, gồm:

a) Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi là cá nhân);

b) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư (bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm);

c) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 3. Các trường hợp không có tính khả thi trên thực địa để buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi hủy hoại đất làm suy giảm chất lượng đất hoặc làm biến dạng địa hình quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định 123/2024/NĐ-CP thuộc trường hợp không có tính khả thi trên thực địa để buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, cụ thể gồm:

1. Làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác; làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng; gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định.

2. Thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất; san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi) hoặc san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất

nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận).

Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với các hành vi vi phạm thuộc trường hợp không có tính khả thi trên thực địa để buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Buộc khôi phục lại độ dày tầng đất canh tác tương đương như trước vi phạm và đảm bảo khả năng tiếp tục sử dụng đất theo mục đích đã được xác định trước khi vi phạm. Loại đất được sử dụng để khôi phục phải là loại đất ban đầu đã bị lấy đi, trường hợp đất ban đầu không sử dụng lại được thì sử dụng đất khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn để thay thế phù hợp với mục đích sản xuất nông nghiệp ban đầu của đất trước khi vi phạm (*Các loại đất khác thay thế có thể sử dụng là: Đất hữu cơ, lớp đất mặt của đất chuyên trồng lúa được lấy từ các công trình dự án có chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang phi nông nghiệp, đất có cấu tạo thành phần của đất tương đương, đất phù sa...*) đối với hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác làm suy giảm chất lượng đất;

2. Buộc đưa các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng ra khỏi diện tích đất vi phạm, đồng thời phải có biện pháp cải tạo nâng cao lớp đất mặt phù hợp với mục đích sản xuất nông nghiệp ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng làm suy giảm chất lượng đất;

3. Buộc thực hiện các biện pháp chống bạc màu, xói mòn, rửa trôi và phải san lấp, cải tạo tương đương khả năng sử dụng đất ban đầu trước khi vi phạm (*như: Thực hiện biện pháp luân canh cây trồng, trồng cây che phủ, sử dụng vật liệu che phủ đất nông nghiệp, canh tác theo đường đồng mức ...; xây dựng bờ bao để giữ nước và ngăn chặn dòng chảy làm trôi đất; sử dụng các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải thiện chất lượng đất, tăng khả năng giữ đất, nước và dinh dưỡng; trồng cây, tạo thảm thực vật giúp tăng cường khả năng giữ đất, giảm thiểu xói mòn và tạo môi trường bền vững...*) đối với hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp làm suy giảm chất lượng đất;

4. Buộc phải san lấp điều chỉnh lại độ dốc bề mặt đất tương đương như trước khi vi phạm hoặc buộc phải san lấp điều chỉnh lại độ dốc bề mặt đất tương đương các thửa đất liền kề theo hiện trạng đang sử dụng;

5. Buộc phải san lấp, tạo mặt bằng, khôi phục lại độ cao tương đương bề mặt đất trước khi vi phạm và thực hiện các biện pháp cải tạo đất để phù hợp với

mục đích sử dụng đất đã được xác định hoặc phải san lấp, khôi phục lại độ cao tương đương bề mặt đất các thửa đất liền kề theo hiện trạng đang sử dụng;

6. Buộc khôi phục lại tương đương khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định trước khi vi phạm đối với hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng hoặc san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản làm biến dạng địa hình;

7. Các trường hợp không có tính khả thi để buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thì người có hành vi vi phạm phải thực hiện các biện pháp để đưa toàn bộ diện tích đất vi phạm về trạng thái an toàn, đảm bảo không gây nguy hiểm đến con người, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, các thiệt hại khác và không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các thửa đất liền kề. Trường hợp để xảy ra thiệt hại về người, cây trồng, vật nuôi và các thiệt hại khác thì người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân công trách nhiệm cụ thể

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Tuyên truyền, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan áp dụng, thực hiện thống nhất, đúng quy định tại Quyết định này;

Tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trong việc cải tạo đất, khôi phục lại độ dày tầng đất canh tác, thực hiện các biện pháp chống bạc màu, xói mòn, rửa trôi khi áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có phương án tận thu, sử dụng tầng đất mặt đối với diện tích đất chuyên trồng lúa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp, để có quỹ đất sử dụng cho việc khắc phục, cải tạo diện tích đất vi phạm phù hợp với mục đích sản xuất nông nghiệp ban đầu của đất trước khi vi phạm.

c) Tổng hợp, báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp xử lý đối với những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Quyết định này.

2. Giao Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tháo dỡ công trình vi phạm bảo đảm an toàn, đúng quy định.

3. Giao Sở Tư pháp theo chức năng, nhiệm vụ: Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật, tổ chức các hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật về công tác xử lý vi phạm hành chính (nói chung), công tác xử lý vi phạm hành chính về đất đai (nói riêng) và các quy định tại Quyết định này cho đối tượng là cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác xử lý vi phạm hành chính.

4. Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm:

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai, các quy định về xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về đất đai, quy định tại Quy định này để các tổ chức, cá nhân biết;

b) Chỉ đạo, phối hợp, giám sát việc khắc phục hậu quả của tổ chức, cá nhân bị áp dụng biện pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm;

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường và môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác theo dõi, giám sát việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý hoặc kiến nghị xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Giao Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm hủy hoại đất quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ và quy định của Quyết định này trên địa bàn và buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan liên quan trong xử lý, giải quyết dứt điểm các trường hợp vi phạm hủy hoại đất.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc phối hợp, tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về đất đai, các quy định về xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về đất đai tại Quy định này để các tổ chức, cá nhân biết, góp phần hạn chế các vi phạm pháp luật về đất đai trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

3. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất quy định tại Điều 4 Quyết định này do cơ quan, đơn vị chủ trì hoàn thiện hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan (do cơ quan, đơn vị chủ trì mời) xác định. Kết quả mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được đại diện cơ quan, người có thẩm quyền

xử phạt, phối hợp với cơ quan chuyên môn liên quan và địa phương, cơ sở nơi có đất tổ chức kiểm tra, xác nhận bằng biên bản và lưu hồ sơ xử phạt.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2025 và thay thế Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Ban hành Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP UBND tỉnh, CV NCTH, Trung tâm thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, NN5 (T... b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Thị Kim Nga